

Số: 1771/QĐ-HVNG

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (Vstep) dùng cho Việt Nam và thời hạn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại Học viện Ngoại giao

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-TTg, ngày 28/06/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-HVNG ngày 23/09/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-HVNG ngày 15/10/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh



Pearson English International Certificate (PEIC) tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2383/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/08/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Pearson Test of English Academic (PTE Academic) tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo phụ lục Danh mục Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (Vstep) dùng cho Việt Nam được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại Học viện Ngoại giao.

Điều 2. Các chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại Học viện Ngoại giao theo thời hạn quy định của chứng chỉ.

Điều 3. Quyết định này áp dụng đối với các khóa tuyển sinh kể từ năm 2025.

Điều 4. Trưởng Ban Đào tạo đại học và sau đại học, Trưởng khoa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: HCTH, SDH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Nguyễn Thị Thìn

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 THEO KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (VSTEP)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ TIẾN SĨ TẠI HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
(Kèm theo Quyết định số 1771 /QĐ-HVNG ngày 02 tháng 10 năm 2025
của Giám đốc Học viện Ngoại giao)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Trình độ/Thang điểm		Thời hạn sử dụng
			Tương đương Bậc 3 (Vstep)	Tương đương Bậc 4 (Vstep)	Vstep không thời hạn
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93	2 năm
			Không chấp nhận TOEFL iBT – Home edition		
		TOEFL ITP	450 - 499		2 năm
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5	2 năm
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179	Không thời hạn
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	2 năm
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2	Không thời hạn
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Lever 2	Lever 3	Không thời hạn
	PTE Academic (Pearson Test of English Academic)	43-58	59-75	2 năm	
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue	Không thời hạn

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Trình độ/Thang điểm		Thời hạn sử dụng
			Tương đương Bậc 3 (Vstep)	Tương đương Bậc 4 (Vstep)	Vstep không thời hạn
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2	Không thời hạn
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	Không thời hạn
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	2 năm
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3	Không thời hạn
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2	Không thời hạn

**Ghi chú:*

- Học viện Ngoại giao chấp nhận các chứng chỉ không có trong phụ lục nếu có Quyết định công nhận các cấp độ tương đương với các bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Người học có thể thi tại một trong các đơn vị tổ chức thi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép, được thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ giáo dục và Đào tạo (Cục Quản lý chất lượng) tại địa chỉ <http://vqa.moet.gov.vn>

